TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2025.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Văn Tuấn

2/ Ông Ngô Hùng Phong.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lý Thị H, sinh ngày 01/01/1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

CCCD: , ngày 30/6/2022.

- *Bị đơn*: Ông Sơn Si T, sinh ngày 01/01/1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

CCCD: , ngày 09/8/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2025, nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày: Bà và ông S Si Tha tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08/11/2022. Trong thời gian sống chung, giữa bà và ông T có hai con chung tên Sơn Sà T1, sinh ngày 17/5/2007 và Sơn Thị T2, sinh ngày 08/5/2012. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm nên làm cho đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đối với con

chung đang sống cùng ông T, về tài sản chung và nợ chung không có. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà được ly hôn với ông Sơn Si T.

Về con chung: Giao cho ông Sơn Si T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Sơn Sà T1 và Sơn Thị T2 đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Sơn Si T trình bày: Ông và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng năm 2005, 2006 không có kết hôn, đến ngày 08/11/2022 mới đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã L, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông và bà H có hai người con chung tên Sơn Sà T1, sinh ngày 17/5/2007 đã trưởng thành, hiện đang đi làm và Sơn Thị T2, sinh ngày 08/5/2012 hiện do ông trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung là không có. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà H không chung thủy trong hôn nhân, nhiều lần khuyên nhưng không được nên đã sống ly thân cho đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn và đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Sơn Thị T2 cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; phần con chung Sơn S đã đủ 18 tuổi và đang đi làm việc, tự nuôi sống mình nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung thì thấy bà H khởi kiện ly hôn và ông T đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, công nhận thuận tình ly hôn cho bà H và ông T. Đối với con chung Sơn Sà T1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động và đang đi làm, đương sự không có yêu cầu nuôi người con này nên đề nghị không đặt ra xem xét; riêng con chung Sơn Thị T2 có nguyện vọng sống với cha và ông T cũng mong muốn được nuôi con chung nên đề nghị giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng là đúng quy định. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng cho con và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà H và ông T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã L, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ

các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà H và ông T đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông T đã được thông báo về việc bà H khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông T là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có hai người con chung là tên Sơn Sà T1, sinh ngày 17/5/2007 và Sơn Thị T2, sinh ngày 08/5/2012 đang sống với ông T. Xét thấy con chung Sơn Sà T1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động và đang đi làm, tại phiên tòa bị đơn thống nhất không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng đối với người con này. Đối với con chung Sơn Thị T2 có nguyện vọng sống với cha và ông T cũng mong muốn được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho ông T được nuôi dưỡng con chung Sơn Thị T2. Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà H và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc cấp dưỡng cho con.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27

nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lý Thị H và ông Sơn Si T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thị T2, sinh ngày 08/5/2012 cho ông S Si Tha được nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lý Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Lý Thị H và ông Sơn Si T mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Lý Thị H đã nộp xong án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng còn dư 225.000 đồng theo biên lai thu số 0001857 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Lâm Tân, thành phố Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai